

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2018/TLST – DS ngày 29 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh E.

* Bị đơn: Phạm Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã L, huyện B, tỉnh E

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Phạm Thị N thừa nhận còn nợ chị Trần Thị T số tiền đã vay là 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị N đồng ý một mình trả cho chị Trần Thị T số tiền 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng), mỗi tháng trả 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), trả liên tục hàng tháng. Thời gian thực hiện việc trả nợ tính từ ngày 30/5/2018 cho đến khi kết thúc nợ.

Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên ở bất kỳ tháng nào thì bà T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ số nợ trên theo luật định.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày chị có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Phạm Thị N tự nguyện chịu 121.000đ (Một trăm hai mươi một nghìn đồng).

Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 121.000đ (Một trăm hai mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014927 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Vậy, hoàn lại cho chị T số tiền chênh lệch còn lại là 179.000đ (Một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương